Tên: …………………………..

Lớp: S8…

Ngày giao bài: Thứ ………, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ………, ngày ……/…….

Từ vựng & Ngữ pháp: ………

Nghe: ………

Mini Test: ……..

GLOBAL ENGLISH 8
UNIT 3: OUR SOCIETY – VOCABULARY 2 & FCE SPEAKING

A. VOCABULARY
- Economic Terms

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**economics** (n)	kinh tế học	4	**GDP (Gross Domestic Product)** (n)	tổng sản phẩm quốc nội
2	**wealth** (n)	sự giàu có, tài sản	5	**per capita** (adv/adj)	bình quân đầu người
3	**income** (n)	thu nhập			

- Social Factors

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**healthcare** (n)	dịch vụ chăm sóc sức khỏe	4	**generosity** (n)	sự rộng lượng, hào phóng
2	**life expectancy** (n)	tuổi thọ trung bình	5	**immigrant** (n)	người nhập cư
3	**social support** (n)	sự hỗ trợ xã hội			

- Countries

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**Finland** (n)	nước Phần Lan	4	**Denmark** (n)	nước Đan Mạch
2	**Norway** (n)	nước Na Uy	5	**Costa Rica** (n)	nước Costa Rica
3	**Iceland** (n)	nước Iceland (Băng Đảo)	6	**Switzerland** (n)	nước Thụy Sĩ

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**crate** (n)	thùng gỗ/nhựa để đựng đồ	4	**campsite** (n)	khu cắm trại
2	**budget hotel** (n)	khách sạn giá rẻ	5	**manager** (n)	quản lý
3	**automatic** (adj)	tự động; (phản xạ) không cần suy nghĩ nhiều	6	**reassuring** (adj)	làm yên tâm

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; adv = adverb: trạng từ.
*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

   0. One factor that affects a country's GDP is the total _____ of all its citizens.
    A. immigrant   (B.) *income*   *C. generosity*   *D. healthcare*
   1. In some countries, access to good _____ is still limited for people in rural areas.
    A. healthcare   B. generosity   C. GDP   D. economics

LIVEWORKSHEETS

2. The report shows that Switzerland has a high GDP _____, meaning people there are generally wealthier.

    A. per capita   B. immigrant   C. social support   D. life expectancy

3. _____ is the study of how money and resources are used and distributed.

    A. Generosity   B. Economics   C. Income   D. Immigrant

4. People in Costa Rica are known for their _____, often helping neighbors and strangers alike.

    A. healthcare   B. immigrant   C. generosity   D. income

5. Many people choose to move to Finland because of its strong _____ system.

    A. Norway   B. GDP   C. life expectancy   D. social support

II. Complete the words/phrases based on the definitions and clues given.

0. economics	the study of how money, goods, and services are made, used, and shared
1. w_____	a large amount of money, property, or valuable things
2. i_____	the money that a person or a country earns from work, investments, or business
3. h_____	the service of looking after people's health, including hospitals and doctors
4. g_____	the quality of being kind and giving to others
5. G_____ D_____ P_____	the total value of all goods and services a country produces in one year

III. Fill in the blanks with the correct words/phrases given in the box. Use each word only ONCE. Some words may not be used.

Finland	generosity	income	GDP	Norway	immigrant	economics	life expectancy

0. *Finland* is often ranked as one of the happiest countries in the world.

1. A country's _____ is often used to measure its economic performance.

2. Her grandfather was a(n) _____ who moved to the country 50 years ago.

3. People with a higher _____ often have better access to services and education.

4. The average _____ in Japan is over 84 years.

5. _____ invests a large part of its oil money in public services and education.

IV. Rewrite the sentences in the PASSIVE VOICE.

0. They are organizing a school concert.

→ *A school concert is being organized*.

1. The chef is not cooking the meal right now.

→ _____.

2. Are they cleaning the swimming pool at the moment?

→ _____?

3. Why is the technician repairing the computer?

→ _____?

4. The teachers are checking the test papers.

→ _____.

5. The staff is not helping the visitors right now.

→ _____.

LIVEWORKSHEETS

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link/code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-b2-fce-practice-8

Part 3: You will hear five short extracts in which people are talking about holiday jobs they have done. For questions **19–23**, choose from the list (**A–H**) what each speaker says about the job they did. Use the letters only once.

There are **three extra letters** which you do not need to use.

A. I was unhappy because I didn't earn much.

B. Doing the same thing every day made it boring.

Speaker 1 [ ] 19

C. Some people were rude to me, and I didn't like it.

Speaker 2 [ ] 20

D. I didn't have to do much work.

Speaker 3 [ ] 21

E. My boss expected a lot from me.

Speaker 4 [ ] 22

F. I had to be friendly and talk to everyone.

G. I worked with some really kind people.

Speaker 5 [ ] 23

H. I didn't know what would happen next, so I had to be ready.